

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 51/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26/02/2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phạm Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Văn Chánh
- Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huỳnh Như - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 2098/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29/01/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lưu Thị Q, sinh năm 1994;

Địa chỉ thường trú: 27A tổ 23, khu phố 8, phường LB, thành phố BH, tỉnh ĐN.

Địa chỉ liên hệ: 196/5 tổ 12, khu phố 9, phường TB, thành phố BH, tỉnh ĐN.

- Bị đơn: Ông Lưu Ngọc D, sinh năm 1985; Địa chỉ thường trú: 27A tổ 23, khu phố 8, phường LB, thành phố BH, tỉnh ĐN.

(Bà Q và ông D có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, các lời khai, tài liệu, chứng cứ thu thập được có tại hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lưu Thị Q trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi (Lưu Thị Q) và ông Lưu Ngọc D tự nguyện tiến tới hôn nhân năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) phường LB, thành phố BH, tỉnh ĐN và được UBND phường LB cấp giấy chứng nhận kết hôn số 276, quyền số 01/2014 ngày 29/7/2014.

Sau khi kết hôn vợ chồng chúng tôi chung sống hạnh phúc và có 02 người con chung. Nhưng gần đây thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn về vấn đề tình cảm do quan điểm sống của hai vợ chồng không đồng nhất nên hay xảy ra xung đột và không còn tôn trọng lẫn nhau. Chúng tôi đã nhiều lần tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Do đó, đời sống chung của vợ chồng không còn hạnh phúc dẫn đến tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn và không thể tiếp tục sống chung với nhau được. Nay xét thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nghiêm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được. Vì vậy, nay tôi làm đơn này yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi (Q) được ly hôn với ông Lưu Ngọc D.

- Về con chung: Tôi (Lưu Thị Q) và ông Lưu Ngọc D có 02 con chung tên Lưu Kiến A, sinh ngày 09/3/2014 và Lưu Ngọc B, sinh ngày 11/12/2016. Khi ly hôn, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết giao con chung Lưu Ngọc B cho tôi chăm sóc, nuôi dưỡng; giao con chung Lưu Kiến A cho ông D chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Hiện tôi đang làm công nhân tại Công ty BSG, địa chỉ: Đường 7A, KCN Amata, phường LB, thành phố BH, tỉnh ĐN, thu nhập khoảng 7.200.000đ/tháng đảm bảo kinh tế nuôi con, có nhà thuê trọ tại địa chỉ: 196/5 tổ 12, khu phố 9, phường TB, thành phố BH, tỉnh ĐN đảm bảo chỗ ở cho con.

Hiện cháu Lưu Kiến A đang học Lớp 4/8 và cháu Lưu Ngọc B đang học Lớp 2/9 cùng Trường Tiểu học HB, phường TH, thành phố BH, tỉnh ĐN.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Tôi tự nguyện nộp theo quy định.

*** Theo các bản khai có tại hồ sơ và tại phiên tòa, bị đơn ông Lưu Ngọc D trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi (Lưu Ngọc D) thống nhất với đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn bà Lưu Thị Q có tại hồ sơ về kết hôn, đăng ký kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng... Nay bà Q có đơn xin ly hôn với tôi thì tôi (D) đồng ý ly hôn với bà Lưu Thị Q.

- Về con chung: Tôi (Lưu Ngọc D) và bà Lưu Thị Q chung sống với nhau có 02 con chung tên Lưu Kiến A, sinh ngày 09/3/2014 và Lưu Ngọc B, sinh ngày 11/12/2016. Khi ly hôn, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết giao 02 con chung Lưu Kiến A và Lưu Ngọc B cho tôi (D) chăm sóc, nuôi dưỡng, không yêu cầu bà Q phải cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay cháu Lưu Kiến A đang học Lớp 4/8, cháu Lưu Ngọc B học Lớp 2/9 cùng Trường Tiểu học HB, phường TH, thành phố BH, tỉnh ĐN.

Hiện nay tôi đang làm nghề tự do bán vé số và sửa điện dân dụng, thu nhập khoảng 16.000.000đ/tháng (Mười sáu triệu đồng/tháng) đảm bảo kinh tế nuôi con, hiện tại tôi và các con đang sống chung nhà với bố mẹ ruột của tôi là ông Lưu Văn D1, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1965 tại địa chỉ: 27A tổ 23, khu phố 8, phường LB, thành phố BH, tỉnh ĐN, đảm bảo chỗ ở cho con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa sơ thẩm:**

- Về thủ tục tố tụng:

+ Về quan hệ pháp luật: Tòa án xác định quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” là đúng.

+ Về tư cách đương sự: Tòa án xác định tư cách đương sự trong vụ án là đúng.

+ Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án Hôn nhân và gia đình đúng thẩm quyền.

+ Về thời hạn giải quyết vụ án: Đảm bảo đúng thời hạn theo quy định của pháp luật.

- Về việc tuân theo quy định pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử (HĐXX) trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

- Về việc tuân thủ pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn bà Lưu Thị Q và bị đơn ông Lưu Ngọc D đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về đường lối giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) xét xử cho nguyên đơn bà Lưu Thị Q được ly hôn với bị đơn ông Lưu Ngọc D.

+ Về con chung: Đề nghị HĐXX xét xử giao con 02 con chung tên Lưu Kiến A, sinh ngày 09/3/2014 và Lưu Ngọc B, sinh ngày 11/12/2016 cho ông Lưu Ngọc D chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời bà Lưu Thị Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đề nghị HĐXX xem xét giải quyết.

- Về án phí: Nguyên đơn bà Lưu Thị Q phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn bà Lưu Thị Q có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lưu Ngọc D, sinh năm 1985; Địa chỉ thường trú: 27A tổ 23, khu phố 8, phường LB, thành phố BH, tỉnh ĐN. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lưu Thị Q và ông ông Lưu Ngọc D tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND phường LB, thành phố BH, tỉnh ĐN và được UBND phường LB cấp giấy chứng nhận kết hôn số 276, quyền số 01/2014 ngày

29/7/2014. Căn cứ vào các Điều 9, 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, hôn nhân giữa bà Q và ông D được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Các lời khai có tại hồ sơ và tại phiên toà, nguyên đơn bà Lưu Thị Q kiên quyết đề nghị HĐXX giải quyết cho bà được ly hôn với bị đơn ông Lưu Ngọc D do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không còn đạt được như trình bày trên.

Theo biên bản xác minh ngày 08/01/2024 tại UBND phường LB, thành phố BH (Bút lục số 29) có tại hồ sơ ghi nhận nội dung: “Tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Lưu Thị Q, sinh năm 1994 và ông Lưu Ngọc D, sinh năm 1985 tại địa chỉ: 27A tổ 23, khu phố 8, phường LB, thành phố BH, tỉnh ĐN có xảy ra mâu thuẫn hay không địa phương không rõ, do không nhận được trình báo cũng như liên hệ giải quyết”. Tuy nhiên, theo các bản khai có tại hồ sơ và tại phiên toà hôm nay, ông D đồng ý ly hôn với bà Q, ý chí của ông D là tự nguyện, không bị ai ép buộc nên ghi nhận. Vì vậy, HĐXX xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Lưu Thị Q, xét xử cho bà Lưu Thị Q được ly hôn với ông Lưu Ngọc D.

- Về con chung:

Các lời khai có tại hồ sơ và tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn bà Lưu Thị Q yêu cầu HĐXX giải quyết giao con chung của bà và ông D tên Lưu Ngọc B, sinh ngày 11/12/2016 cho bà chăm sóc, nuôi dưỡng; giao con chung Lưu Kiến A, sinh ngày 09/3/2014 cho ông D chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Bà Q hiện đang làm công nhân tại Công ty BSG, địa chỉ: Đường 7A, KCN Amata, phường LB, thành phố BH, tỉnh ĐN, thu nhập khoảng 7.200.000đ/tháng đảm bảo kinh tế nuôi con, có nhà thuê trọ tại địa chỉ: 196/5 tổ 12, khu phố 9, phường Tân Biên, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đảm bảo chỗ ở cho con, yêu cầu của bà là phù hợp quy định của pháp luật. Tuy nhiên, theo bản tự khai của cháu Lưu Ngọc B và biên bản lấy lời khai cháu Lưu Ngọc B cùng ngày 20/12/2023 (Bút lục số 25-26) có tại hồ sơ thì nguyện vọng của cháu B khi cha mẹ ly hôn được sống chung với bố Lưu Ngọc D, ý chí của cháu B là tự nguyện, không bị ai ép buộc nên ghi nhận theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy, HĐXX không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Lưu Thị Q yêu cầu giao cháu B cho nguyên đơn chăm sóc, nuôi dưỡng.

Các lời khai có tại hồ sơ và tại phiên toà hôm nay, bị đơn ông Lưu Ngọc D yêu cầu Tòa án giao 02 con chung tên Lưu Ngọc B, sinh ngày 11/12/2016 và Lưu Kiến A, sinh ngày 09/3/2014 cho ông D chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời không yêu cầu bà Q phải cấp dưỡng nuôi con. Ông D làm nghề kinh doanh tự do, thu nhập khoảng 16.000.000đ/tháng (Mười sáu triệu đồng/tháng) đảm bảo kinh tế nuôi con, có điều kiện đưa rước các con đi học do hai con đang sống chung với ông; cháu Lưu Kiến A hiện đang học Lớp 4/8, cháu Lưu Ngọc B hiện đang học Lớp 2/9 cùng Trường Tiểu học HB, phường TH, thành phố BH, tỉnh ĐN. Đồng thời, theo bản tự khai của cháu Lưu Ngọc B và Biên bản lấy lời khai cháu Lưu Ngọc B cùng ngày 20/12/2023 (Bút lục số 25-26) có tại hồ sơ thì nguyện vọng của cháu B khi cha mẹ ly hôn được sống chung với bố Lưu Ngọc D, ý chí của cháu B là tự nguyện, không bị ai ép buộc nên ghi nhận. Như đã phân tích trên, do HĐXX không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn

nên giao 02 cháu Lưu Ngọc B và Lưu Kiến A cho ông Lưu Ngọc D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời bà Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

- Nguyên đơn bà Lưu Thị Q phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 235, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9, 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84, 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lưu Thị Q về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lưu Thị Q được ly hôn với ông Lưu Ngọc D.

- Về con chung: Giao 02 con chung tên Lưu Ngọc B, sinh ngày 11/12/2016 và Lưu Kiến A, sinh ngày 09/3/2014 cho ông Lưu Ngọc D chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời bà Lưu Thị Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Lưu Thị Q không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết vì quyền và lợi ích hợp pháp của con, các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Lưu Thị Q phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí bà Q đã nộp theo biên lai thu số 0008837 ngày 28/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Bà Q đã nộp đủ án phí.

3. Về kháng cáo: Nguyên đơn bà Lưu Thị Q và bị đơn ông Lưu Ngọc D có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa;
- UBND phường LB, TP. BH,
tỉnh ĐN (Giấy chứng nhận kết hôn
số 276, quyền số 01/2014 ngày 29/7/2014);
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

Nguyễn Phạm Tuấn